

Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản và tác động của nó đối với việc hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN

NGUYỄN TUẤN ANH*

Trong bối cảnh các quốc gia và khu vực đang đẩy mạnh tự do hóa thương mại thì việc hình thành một Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Nhật Bản (AJCEP) là một điều tất yếu. Đây là một cơ chế hợp tác toàn diện, không những chỉ tự do hóa trong lĩnh vực thương mại hàng hóa mà còn mở rộng ra cả các lĩnh vực dịch vụ, đầu tư và hợp tác kinh tế. Mặc dù vậy, bước đầu triển khai Hiệp định này còn gặp rất nhiều khó khăn và những kết quả đạt được còn ở mức độ khá hạn chế. Hiệp định vẫn chưa giải quyết được các vấn đề quan trọng của chủ nghĩa khu vực, như vấn đề di chuyển lao động, chuyển giao công nghệ và chi tiêu của chính phủ. Điều đó làm cho tiến độ trong việc hài hòa hóa và tự do hóa các quy tắc xuất xứ diễn ra chậm chạp. Thêm nữa, các thỏa thuận song phương giữa Nhật Bản với một số nước thành viên ASEAN vẫn có giá trị độc lập với AJCEP nên sẽ rất khó để đảm bảo các điều khoản của Hiệp định AJCEP sẽ được áp dụng. Bên cạnh đó là việc các nước thành viên ASEAN đang có xu hướng muốn ký kết các Hiệp định Thương mại tự do (FTA và Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (EPA) song phương với các đối tác bên ngoài cũng gây ra một số tác động tiêu cực tới quá trình hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) như là xu hướng ly tâm, gây ra chệch hướng thương mại... làm khả năng gắn kết của khu vực bị suy giảm. Mặc dù vậy, nếu các bên cùng nỗ lực tôn trọng và thực thi các cam kết đã đề ra thì đây là cơ hội lớn để các nước thành viên ASEAN trở nên gắn kết hơn, tận dụng được sức mạnh nhờ quy mô kinh tế, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển giữa ASEAN 6 (ASEAN + 6 nước: Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Newzealand, Trung Quốc, và CLMV (Campuchia - Lào - Myanma - Việt Nam) để có thể hoàn thành việc xây dựng AEC vào năm 2015.

Kể từ sau Chiến tranh Lạnh tới nay, quan hệ giữa ASEAN và Nhật Bản có những biến chuyển tích cực so với các giai đoạn trước. Nhật Bản tiến hành điều chỉnh chính sách đối ngoại, coi ASEAN là một trọng điểm chiến lược biểu hiện ở việc chuyển từ chính sách “ngoại giao kinh tế” sang “ngoại

giao toàn diện”. Các nhà lãnh đạo cao nhất của Nhật Bản rất tích cực đến thăm các nước ASEAN, coi mối quan hệ giữa Nhật Bản với ASEAN là quan hệ đối tác bình đẳng và tăng cường đối thoại trên mọi phương diện. Hợp tác giữa hai bên được nâng lên một tầm cao mới tại Hội nghị cấp cao Nhật Bản – ASEAN vào tháng 11/2002 ở PhnomPenh (Campuchia) khi hai bên đã ra “Tuyên ngôn ý

*Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

tương hợp tác kinh tế toàn diện". Sau rất nhiều vòng đàm phán giữa hai bên, cuối cùng ngày 14/04/2008, sau hơn 6 năm đàm phán, ASEAN và Nhật Bản đã ký kết được Hiệp định AJCEP. Đây là một cam kết rất quan trọng đối với mối quan hệ giữa hai bên nói chung và với khu vực ASEAN nói riêng khi mà quá trình hiện thực hóa AEC đã gần kề. Nội dung bài viết này sẽ làm rõ hai vấn đề chính: đánh giá bước đầu quá trình triển khai Hiệp định AJCEP và tác động của nó đối với việc hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

1. Thực trạng quá trình triển khai thực hiện Hiệp định AJCEP

1.1. Tổng quan về Hiệp định AJCEP

Sự kiện tiền đề cho sự ra đời của Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện AJCEP là tại Hội nghị cấp cao Nhật Bản - ASEAN (11/2002) ở PhnomPenh (Campuchia) hai bên đã ra "Tuyên ngôn ý tưởng hợp tác kinh tế toàn diện" biểu thị trong vòng 10 năm sẽ thực hiện hợp tác kinh tế toàn diện, trong đó bao gồm cả khu vực mậu dịch tự do. Để khẳng định cho ý tưởng này, ngày 8/10/2003, tại Bali (Indonesia) Thủ tướng Nhật Bản Koizumi và các nhà lãnh đạo của ASEAN đã ký Hiệp định khung về quan hệ đối tác kinh tế toàn diện giữa Nhật Bản - ASEAN (CEP), xác định rõ mục đích, nguyên tắc, nội dung và thời gian biểu cho cơ chế hợp tác. Sau 11 vòng đàm phán giữa hai bên, ngày 14/4/2008, ASEAN và Nhật Bản đã ký kết được Hiệp định AJCEP có hiệu lực từ 12/2008.

Nội dung Hiệp định bao gồm 10 chương, 80 mục và 5 phụ lục, và nhắm tới ba mục tiêu chính: i) Từng bước tự do hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các bên; ii) Đẩy mạnh cơ hội đầu tư và đảm bảo tính an toàn cho các hoạt động đầu tư và iii) Thiết lập một khuôn khổ cho việc đẩy mạnh hợp tác kinh tế giữa các bên nhằm hỗ trợ quá trình hội nhập kinh tế của ASEAN, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các thành viên của tổ chức và đẩy mạnh thương mại đầu tư giữa

các bên¹. Như vậy, có thể thấy AJCEP chính là một cơ chế hợp tác toàn diện, không những chỉ tự do hóa trong lĩnh vực thương mại hàng hóa mà còn mở rộng ra cả các lĩnh vực dịch vụ và đầu tư. Bên cạnh đó, Hiệp định còn thúc đẩy tăng cường hợp tác kinh tế trong các lĩnh vực: bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, năng lượng, công nghệ thông tin (ICT), doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), du lịch, vận tải và logistic, môi trường, nông nghiệp². Trong đó, quan trọng nhất là các cam kết về lộ trình giảm thuế, tiến tới loại bỏ phần lớn thuế nhập khẩu giữa các nước ASEAN và Nhật Bản. Theo kế hoạch, đến năm 2018, ASEAN và Nhật Bản cơ bản trở thành một khu vực thương mại tự do về hàng hóa³.

1.2. Thực trạng quá trình triển khai thực hiện Hiệp định AJCEP

- Triển khai ban hành thông báo để Hiệp định có hiệu lực

Hiệp định AJCEP được ký kết ngày 14/04/2008 và có hiệu lực từ 1/12/2008. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, AJCEP mới chỉ có hiệu lực với 4 quốc gia ASEAN là: Lào, Myanmar, Singapore và Việt Nam vì các nước này đã hoàn tất thủ tục pháp lý trong nước, còn các quốc gia ASEAN khác theo trình tự thời gian sau:

¹ Agreement on Comprehensive Economic Partnership among member states of the Association of Southeast Asian Nations and Japan (Certified copy), Deputy Secretary General - The ASEAN Secretariat, 2008, <http://www.aseansec.org/agreements/AJCEP/Agreement.pdf>

² Các lĩnh vực hợp tác kinh tế ở Mục 53, Chương 8 của Hiệp định AJCEP.

³ Nhật Bản sẽ bãi bỏ các biểu thuế đánh vào 93% giá trị hàng hóa nhập khẩu từ ASEAN trong vòng 10 năm kể từ khi thỏa thuận AJCEP có hiệu lực. Đổi lại, 6 nước ASEAN có tiềm lực kinh tế mạnh hơn là Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan cũng sẽ bãi bỏ thuế trong vòng 10 năm đối với 90% hàng hóa nhập khẩu từ Nhật Bản, trong khi 4 thành viên còn lại là Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar sẽ bãi bỏ thuế theo một lộ trình chậm hơn (Việt Nam hứa sẽ loại bỏ thuế quan lên đến 90% trong vòng 15 năm, trong khi các quốc gia CLM cố gắng cắt giảm được 85% trong vòng 18 năm).

Bảng 1: Trình tự thời gian các nước ban hành thông báo và đi vào hiệu lực

Quốc gia	Ngày ban hành thông báo	Ngày chính thức có hiệu lực
Brunei	29/11/2008	01/01/2009
Malaysia	19/12/2008	01/02/2009
Thái Lan	30/04/2009	01/06/2009
Campuchia	30/10/2009	01/12/2009
Philippines	28/05/2010	01/07/2010

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Ban Thư ký ASEAN.

Như vậy, về quá trình triển khai Hiệp định AJCEP thì đến tháng 8/2010 đã có hiệu lực với gần như tất cả các quốc gia ASEAN chỉ ngoại trừ Indonesia là chưa phê chuẩn và thực hiện⁴.

- *Triển khai các mục tiêu của Hiệp định AJCEP*

+ *Tiến độ cắt giảm thuế quan trong thương mại hàng hóa*

Về tiến độ cắt giảm thuế quan, hiện nay chỉ có duy nhất Singaporere là nước đã tiến hành xóa bỏ thuế quan đối với tất cả những hàng hóa xuất xứ theo Hiệp định này ngay khi nó chính thức có hiệu lực. Các nước còn lại cũng đang trong giai đoạn bước đầu cắt giảm thuế quan các loại hàng hóa: 7.264 / 9.111 dòng sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Nhật Bản đã được hưởng thuế suất 0% ngay khi Hiệp định AJCEP có hiệu lực. Trong đó, có khoảng 4.000 dòng sản phẩm đã được hưởng thuế suất 0% trước khi Hiệp định có hiệu lực. Đợt giảm thuế đầu tiên có hiệu lực từ 1/12/2008, các lần giảm thuế hàng năm được thực hiện trong giai đoạn từ 1/4 đến 31/3 của năm tiếp theo. Theo cam kết AJCEP, các mặt hàng sẽ giảm theo lộ trình. Ví dụ, mặt hàng dệt may xuất khẩu vào Nhật Bản từ 1/12/2008 được hưởng thuế suất 0% cho hầu hết các cat. (nhóm) hàng, thay cho 5% thuế hàng dệt, 10% hàng

may mặc trước đây. Đối với hàng nông sản, Nhật Bản cam kết bỏ thuế cho 83,8% giá trị thương mại (GTTM) nông sản của Việt Nam. Trong đó, 69,6% giá trị thương mại sẽ không thuộc đối tượng chịu thuế ngay; 23/30 mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam sẽ không chịu thuế suất từng bước trong 10 năm. Các sản phẩm nông sản, củ quả được hưởng thuế 0% gồm: gừng, tỏi, sắn riêng, chôm chôm, mơ, vải đóng hộp, măng tươi, nấm, khoai tây, măng tây, chè, cà phê, cá đông lạnh, tôm, cua biển. Với hàng công nghiệp, 88% giá trị thương mại không chịu thuế từ năm 2008, 92% GTTM không chịu thuế từ năm 2018, 97% GTTM chịu thuế từ 0% đến 5%. Các mặt hàng hưởng thuế suất 0% gồm: cơ khí, cáp điện, máy tính, linh kiện, đồ gỗ, dệt may⁵. Ngay khi Hiệp định có hiệu lực thì có 3.779/ 5.999 dòng sản phẩm Philippines (chiếm 63%) được cắt giảm thuế ngay lập tức. Có 2.088 dòng sản phẩm (chiếm 34,8%) sẽ được giảm thuế dần dần và có 132 dòng sản phẩm (chiếm 2,2%) sẽ nằm trong danh sách loại trừ bao gồm một số sản phẩm nông nghiệp như: gạo, đường, muối và một số hóa chất: clo, sulphuric acid, hydrochloric acid⁶.

⁵ Tổng hợp các tin tức và số liệu từ <http://www.nciec.gov.vn/index.nciec?178> truy cập ngày 11/11/2011.

⁶ Jose Enrique Africa (2009): *Japan – Philippines EPA within ASEAN – Japan CEPA: Development Denied*, paper prepared for the IDEAS - GSEI - ITD Asian Regional Workshop on Free Trade Agreements: Towards inclusive trade policies in post-crisis Asia, 8-9 Dec., Bangkok, p.15

⁴ Tổng hợp từ http://www.meti.go.jp/english/policy/external_economy/trade/FTA_EPA/index.html truy cập ngày 11/11/2011.

Có sự không đồng nhất giữa các cam kết cắt giảm thuế quan giữa các quốc gia và giữa các loại sản phẩm⁷ trong Hiệp định AJCEP. Đối với các nước ASEAN 6 (ngoại trừ Singapore) khoảng một nửa dòng thuế rơi vào loại A đã được gỡ bỏ thuế từ năm 2009. Trường hợp của Myanmar và Campuchia đã đưa một số lượng đáng kể các dòng thuế vào loại C – loại không bị cắt giảm thuế. Còn Việt Nam và Indonesia có nhiều hàng hóa trong loại X (xem Bảng 2).

Cũng tương tự như vậy, trong khi Nhật Bản sẽ loại bỏ thuế quan trên 90% hàng hóa nhập khẩu từ ASEAN thì các sản phẩm nông nghiệp hầu hết vẫn được đưa vào danh sách loại C – không cắt giảm thuế quan (thống nhất với các FTA khác mà Nhật Bản đã thực hiện), ví dụ như: các sản phẩm sữa, đường; thịt bò, muối, một vài sản phẩm thủy sản (cá tuyết, cá trích, cá thu,...); một số sản phẩm hải sản (ngao, sò), lúa mì⁸.

Trong quá trình triển khai Hiệp định AJCEP đã có rất nhiều lúng túng và bỡ ngỡ, gây rất nhiều khó khăn của các doanh nghiệp ở các yếu tố sau:

i) Các Thỏa thuận Đối tác kinh tế (EPA) song phương vẫn có giá trị độc lập với AJCEP – Nhật Bản đã có các EPA song phương với các nước Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Brunei, Philippines và Việt Nam. Những EPA song phương này vẫn có giá trị và các doanh nghiệp phải lựa chọn loại EPA áp dụng để có được mức thuế ưu đãi nhất. Mặc dù vậy, giữa EPA song phương và AJCEP cũng chỉ có sự khác nhau nhỏ trong quy tắc xuất xứ và phụ

thuộc vào từng loại sản phẩm. Vì vậy, vô hình chung tạo ra sự rối ren và lúng túng cho các doanh nghiệp trong việc kiểm tra lại quy tắc xuất xứ hàng hóa để chọn loại EPA áp dụng.

ii) Hệ thống ưu đãi (GSP)⁹ với các nước Campuchia, Lào và Myanmar vẫn có giá trị độc lập sau khi Hiệp định AJCEP có hiệu lực. Do đó, các doanh nghiệp lại phải rà soát, kiểm tra lại loại thuế ưu đãi (thuế GSP hay AJCEP) để áp dụng khi nhập khẩu (mặc dù cũng không có sự chênh lệch nhau nhiều và phụ thuộc vào từng loại sản phẩm).

iii) Mẫu Chứng nhận xuất xứ (C/O) của Hiệp định AJCEP cũng khác so với mẫu của các EPA song phương khác. Mẫu C/O này gọi là “Form AJ”. Nhiều doanh nghiệp không hiểu rõ và làm đúng điều này nên dẫn tới việc các doanh nghiệp yêu cầu hưởng thuế quan ưu đãi theo Hiệp định AJCEP nhưng lại sử dụng mẫu Chứng nhận xuất xứ cho EPA song phương.

iv) Đối với các nhà nhập khẩu của Nhật Bản, C/O “giáp lưng” (Back – to – back C/O) là một quy tắc mới trong Hiệp định AJCEP so với các hiệp định EPA song phương khác. Back-to-Back C/O thường liên quan đến ba quốc gia. Ví dụ, một sản phẩm được sản xuất tại Thái Lan và được doanh nghiệp Singapore mua và nhập khẩu vào Singapore. Sau đó, doanh nghiệp Singapore bán sản phẩm đó cho một doanh nghiệp ở Nhật Bản. Trong trường hợp này, C/O ban hành ở Thái Lan có thể được chuyển đổi bởi các cơ quan có thẩm quyền của Singapore nhưng phải giữ lại nguồn gốc Thái Lan của nó và trong mẫu AJ C/O, các doanh nghiệp phải điền vào ô trống ở cột 13 khi áp dụng Back-to-Back C/O này.

⁷ Trong Hiệp định AJCEP, chia hàng hóa thành 5 loại để áp dụng các mức cắt giảm thuế suất khác nhau, cụ thể là: Loại A - Loại hàng hóa có thuế suất được cắt giảm ngay; Loại B - Loại hàng hóa có thuế suất được cắt giảm nhiều lần; Loại C - Loại hàng hóa không cắt giảm thuế; Loại R - Loại hàng hóa có thỏa thuận đặc biệt; Loại X - Không có cam kết cắt giảm.

⁸ Tổng hợp từ lộ trình Loại bỏ và cắt giảm thuế quan của Nhật Bản trong Hiệp định AJCEP (Annex 1, Section 2)

⁹ Hệ thống ưu đãi (The Generalized System of Preferences) là hệ thống chính thức trong các quy tắc chung của WTO (trước đây là Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại GATT) trong đó các nước phát triển cho các nước đang phát triển hoặc kém phát triển được hưởng ưu đãi giảm hoặc miễn thuế áp dụng cho các hàng hóa xuất khẩu từ các nước đang phát triển hoặc kém phát triển.

Bảng 2: ASEAN – Nhật Bản FTA: Phân bổ cắt giảm thuế vào 5 loại hàng hóa theo lịch trình (% dòng thuế các loại hàng hóa)

	Brunei	Cambodia	Indonesia	Myanmar	Philippines	Thailand	Vietnam
A	69,11	2,67	42,83	2,43	54,73	48,68	19,10
B	27,00	78,94	42,51	79,16	42,64	48,09	71,09
C	1,83	6,07	3,34	12,98	0,83	0,93	2,17
R	0,99	10,70	1,95	4,28	0,71	0,40	0,0
X	1,07	1,62	9,36	1,15	1,09	1,90	7,64

* *Nguồn: Economic Integration in Southeast Asia and the impact on the EU, CARIS, 2011.*

v) Nhiều doanh nghiệp chưa cập nhật Hệ thống mã số dùng chung 2007 (“HS2007”) mà vẫn dùng Hệ thống mã số dùng chung 2002 (“HS2002”) trong khi hiện nay các nhà nhập khẩu Nhật Bản sử dụng HS2007. Do vậy, nhiều loại hàng hóa khi xuất khẩu sang Nhật Bản đã gặp phải vấn đề sai lệch mã số và gây rất nhiều khó khăn trong việc quản lý hàng hóa và các vấn đề phí tổn khác.

+ Mặc dù các lĩnh vực thương mại dịch vụ và đầu tư cũng bao hàm trong nội dung của Hiệp định AJCEP. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các lĩnh vực này rất khó khăn và vẫn đang phải tiếp tục đàm phán¹⁰.

Trong Hiệp định AJCEP không có điều khoản cam kết cụ thể nào liên quan đến tự do hóa hai lĩnh vực này mà chỉ đưa ra các nội dung liên quan tới việc thành lập Tiểu ban về Thương mại trong lĩnh vực dịch vụ, đầu tư và thiết lập một khuôn khổ cho những đàm phán tiếp theo¹¹. Nguyên nhân của những khó khăn trên là ở chỗ, một mặt vì trình độ phát triển giữa các nước

thành viên trong ASEAN có độ chênh lệch rất lớn, vị thế của mỗi nước trong ASEAN là khác nhau. Do vậy, việc đàm phán để đưa ra những thỏa thuận, cam kết chung với cả khu vực ASEAN đối với Nhật Bản là rất khó khăn đặc biệt, đây là một nấc cao hơn so với việc tự do hóa thương mại hàng hóa. Điều này đòi hỏi các bên tham gia phải đạt đến một trình độ phát triển nhất định và hội nhập tương đối sâu với khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, có rất ít động lực cho các nước thành viên ASEAN tham gia vào các cam kết cho lĩnh vực thương mại dịch vụ và đầu tư khi mà việc xâm nhập vào những lĩnh vực này ở Nhật Bản sẽ gặp rất nhiều khó khăn vì các nguyên tắc, yêu cầu của Nhật Bản rất chặt chẽ và đa dạng¹².

+ Hiệp định AJCEP còn rất giới hạn các điều khoản liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, di chuyển lao động và chi tiêu chính phủ¹³.

Hợp tác kinh tế của Hiệp định AJCEP nêu ra 12 lĩnh vực hợp tác (các thủ tục liên quan đến thương mại; môi trường kinh doanh; sở hữu trí tuệ; năng lượng; công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển nguồn nhân lực; doanh nghiệp vừa và nhỏ; du lịch; vận tải và công nghiệp phụ

¹⁰ Từ năm 2010, các bên đã thống nhất tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN - Nhật Bản vào 8/2011 sẽ đạt được những cam kết. Tuy nhiên, sau khi Hội nghị kết thúc tại Manado (Indonesia) thì các cam kết về lĩnh vực dịch vụ và đầu tư đã một lần nữa bị trì hoãn cho đến Hội nghị Thượng đỉnh các nhà lãnh đạo ASEAN - Nhật Bản vào năm 2012. Xem thêm: Kyodo News International, “ASEAN, Japan Aim to Strike deal on Services, Investment next year”, <http://www.newsysstocks.com/news/3655215>.

¹¹ Xem thêm: Những nội dung liên quan đến Thương mại trong lĩnh vực Dịch vụ và Đầu tư trong Hiệp định AJCEP (Chapter 6, Article 50 và Charter 7, Article 51).

¹² Kyodo News International, *Strategic Cooperation with ASEAN still Goal*, <http://www.japantimes.co.jp/text/nm20110805f3.htm>.

¹³ Xem thêm: Corning (2009) đã phân tích độ bao trùm và mức độ tự do hóa của AJCEP trong mỗi so sánh với các thỏa thuận song phương khác.

trợ; nông, lâm và ngư nghiệp; môi trường và chính sách cạnh tranh) và các lĩnh vực khác mà có thể được hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên, vẫn còn xa mới khẳng định rõ ràng rằng những hợp tác này nhất thiết sẽ thúc đẩy việc xây dựng cộng đồng¹⁴. Bên cạnh đó, Hiệp định AJCEP chưa có các điều khoản liên quan đến việc hợp tác rộng rãi về các vấn đề như mua sắm chính phủ và dịch chuyển lao động hay bị giới hạn chỉ ở mức trao đổi thông tin như lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Điều này cho thấy, Hiệp định AJCEP vẫn còn bị giới hạn bởi yếu tố chủ nghĩa khu vực.

2. Tác động của Hiệp định AJCEP đối với việc hiện thực hóa AEC

Khi Hiệp định AJCEP có hiệu lực ở tất cả các nước thành viên ASEAN (cho đến thời điểm này thì chỉ còn Indonesia là chưa thông qua), nó sẽ tạo ra một thị trường rộng lớn với hơn 700 triệu người và mức GDP gần 6.500 tỷ USD¹⁵ thuộc hàng cao nhất trong các FTA mà ASEAN ký kết với các khu vực khác như ACFTA, AKFTA (tương ứng lần lượt là 5.765 tỷ USD và 2.368 tỷ USD). Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, Hiệp định AJCEP không chỉ là hiệp định duy nhất trong quan hệ kinh tế giữa ASEAN với Nhật Bản. Bên cạnh Hiệp định đối tác kinh tế đa phương này thì còn tồn tại hình thức các thỏa thuận đối tác kinh tế song phương giữa Nhật Bản với 7 nước thành viên ASEAN. Do vậy, việc đánh giá tác động tới quá trình hiện thực hóa Cộng đồng AEC của Hiệp định AJCEP về mặt định lượng một cách riêng rẽ là một điều rất khó khăn và phức tạp hơn so với việc đánh giá các Hiệp định thương mại tự do khác như ACFTA, AKFTA, ANZFTA... vì các thỏa thuận này là các thỏa thuận trọn gói cho cả khu vực (Biểu đồ 1). Tuy nhiên, AJCEP cũng

có một số tác động tích cực đối với việc hình thành AEC sau đây:

i) AJCEP với tư cách là một thỏa thuận kinh tế giữa một khu vực với một quốc gia sẽ làm cho các thành viên trong khu vực ASEAN trở nên gắn kết hơn trước xu hướng ly tâm của các lợi ích song phương của từng thành viên ASEAN với Nhật Bản. Bởi vì, để đạt được một thỏa thuận đa phương AJCEP đòi hỏi một sự thống nhất cao về mặt lợi ích. Mỗi nước thành viên ASEAN là một “mắt xích” trong việc xây dựng khối thống nhất. Đây là một điều không hề đơn giản. Vì vậy, có thể coi các hiệp định thương mại tự do song phương mà một số nước ASEAN đã ký kết với Nhật Bản trong giai đoạn vừa qua là những bước đi trước để dần thích nghi với một thỏa thuận chung cho cả khu vực với Nhật Bản.

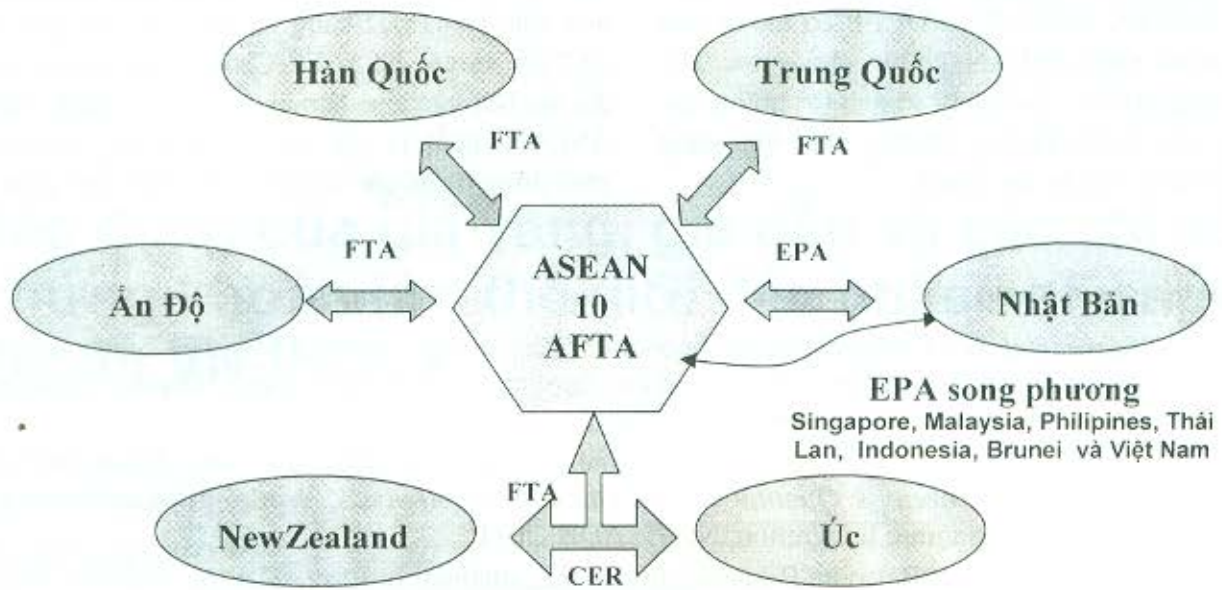
ii) Hiệp định AJCEP đem lại lợi thế về quy mô kinh tế. So với các thị trường đơn lẻ chỉ đơn thuần là quan hệ giữa một quốc gia thành viên trong ASEAN với một quốc gia là Nhật Bản thì thị trường mà cả khu vực ASEAN và Nhật Bản sẽ có quy mô kinh tế lớn hơn rất nhiều. Bằng việc gỡ bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan, thị trường sản xuất sẽ trở nên thông suốt và linh hoạt, tận dụng được lợi thế so sánh của mỗi nền kinh tế thành viên và có được lợi thế nhờ quy mô để giảm chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp ASEAN có thể học hỏi, tận dụng các sáng kiến của Nhật Bản trong phát triển ngành công nghiệp nội địa bằng việc nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai (R&D), đặc biệt là trong lĩnh vực điện tử kỹ thuật số¹⁶. Theo như JETRO (2004), những sáng kiến này tạo ra cơ hội đầu tư trong ngành công nghiệp tivi màn hình phẳng (flat screen TVs) và máy ảnh kỹ thuật số.

¹⁴ Coming, G.P., *Between Bilateralism and Regionalism in East Asia: the ASEAN-Japan Comprehensive Economic Partnership*, *The Pacific Review*, Vol. 22, No.5, p.654.

¹⁵ World Development Indicators Online database truy cập vào 15/11/2011.

¹⁶ Toh Mun Heng (2007): *Relationship between the AJCEP and Japan's Bilateral EPAs with ASEAN Countries*, REPSF Project No. 05/002, p. 45.

Biểu đồ 1: ASEAN trong các thỏa thuận thương mại kinh tế



Nguồn: Mitsuhiro Kagami (2010): Recent Trends in Asian Integration and Japanese Participation, IDE Discussion Paper No.255.

iii) việc triển khai Hiệp định AJCEP là một trong những động lực để khu vực ASEAN điều chỉnh các chính sách công nghiệp và thương mại của mình. Cùng với các hiệp định thương mại tự do khác như ACFTA, AKFTA,... Hiệp định AJCEP sẽ tạo ra sức ép tới chính phủ các nước ASEAN trong việc cải cách các chính sách thương mại – đầu tư và chính sách công nghiệp. Các nước ASEAN sẽ phải thay đổi mô hình truyền thống từ hạn chế nhập khẩu và trợ cấp xuất khẩu sang mô hình cạnh tranh hơn hướng tới một thị trường chung ASEAN. Đây là một trong những yếu tố nền tảng cho sự phát triển bền vững để AEC hình thành.

iv) Hiệp định toàn diện AJCEP là một cầu nối giúp thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN. Một trong những vấn đề quan trọng nhất đặt ra đối với việc hiện thực hóa AEC là chênh lệch phát triển kinh tế trong khu vực, đặc biệt là giữa ASEAN6 và CLMV¹⁷. Một mặt, để thực hiện được Hiệp định AJCEP đòi

hỏi các nước kém phát triển hơn trong ASEAN phải nỗ lực thay đổi các chính sách của mình theo hướng có hiệu quả nhất và đương nhiên khi làm được điều đó sẽ giúp các nước này rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước phát triển hơn. Ngược lại, trong Hiệp định AJCEP cũng đã đề cập đến các nội dung hợp tác kinh tế như các hợp tác trong các lĩnh vực: phát triển nguồn nhân lực, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), vận tải và dịch vụ hậu cần, nông nghiệp... được coi là những lĩnh vực sẽ tạo đà thúc đẩy cho các nước CLMV phát triển trong giai đoạn tới.

v) thông qua những đóng góp về mặt lợi ích kinh tế, AJCEP sẽ là cơ hội để tăng cường hình ảnh của ASEAN và Nhật Bản trong cộng đồng và diễn đàn quốc tế. Từ đó, đóng góp vào việc duy trì sự ổn định về an ninh chính trị của khu vực ASEAN – một điều kiện quan trọng để hình thành Cộng đồng ASEAN.

Bên cạnh những tác động tích cực của Hiệp định AJCEP thì cũng có một số những tác động tiêu cực tới quá trình hình thành AEC, đó là:

¹⁷ Nguyễn Hồng Sơn (2009): *Cộng đồng kinh tế ASEAN: Nội dung và lộ trình*, NXB. Khoa học Xã Hội, Hà Nội.

i) cùng với các EPA song phương và các thỏa thuận thương mại tự do bên ngoài khác như: ACFTA, AKFTA... AJCEP có thể sẽ làm các thành viên ASEAN không chú ý tới việc xây dựng AFTA. Điều này sẽ dẫn tới những tác động như chệch hướng thương mại, khả năng gắn kết khu vực bị suy giảm...

ii) tác động đến khả năng cạnh tranh trong ASEAN về thương mại, dịch vụ, đầu tư. Ở giai đoạn đầu triển khai, việc cùng lúc thực thi các AFTA, ACFTA và các FTA, EPA song phương với các đối tác bên ngoài sẽ làm cho các nước thành viên ASEAN, nhất là các nước thành viên mới sẽ phải đứng trước các áp lực cạnh tranh gay gắt♦

Tài liệu tham khảo:

1. Agreement on Comprehensive Economic Partnership Among Member States of the Association of Southeast Asian Nations and Japan (Certified copy), Deputy Secretary General – The ASEAN Secretariat, 2008
2. *ASEAN's Free Trade Agreements with the People's Republic of China, Japan, and the Republic of Korea: A Qualitative and Quantitative Analysis*, Working Paper Series on Regional Economic Integration, No.75, ADB, 2011.
3. Corning, G.P., "Between Bilateralism and Regionalism in East Asia: the ASEAN- Japan Comprehensive Economic Partnership", *The Pacific Review*, Vol. 22, No.5, pp.639-665.
4. *Economic Integration in South East Asia and the Impact on the EU*, Centre for the Analysis of Regional Integration at Sussex, 2011
5. Ipeei Yamazawa, *Japan – ASEAN Comprehensive Economic Partnership: A Japanese Perspective*, IDE-JETRO, 2003
6. Jones, D.M. and Smith, M.L.R. (2007): *Constructing Communities: the Curious Case of East Asian Regionalism*, Review of International Studies, No.33.
7. Jose Enrique Africa (2009): *Japan – Philippines EPA Within ASEAN – Japan CEPA: Development Denied*, Paper Prepared for the IDEAS- GSEI- ITD Asian Regional Workshop on Free Trade Agreements: Towards inclusive trade policies in post-crisis Asia, 8-9 December, Bangkok.
8. Kawai, M. and Wignaraja, G. (2007): *ASEAN +3 or ASEAN +6: which way forward?*, ADB Institute Discussion Paper, No.77, ADB, Tokyo.
9. Kawai, M. and Wignaraja, G. (2008): *Regionalism as an Engine of Multilateralism: A Case for a Single East Asia*, Working Paper Series on Regional Economic Integration, No.14, ADB, Tokyo.
10. Mitsuhiro Kagami (2010): *Recent trends in Asia Integration and Japanese Participation*, IDE Discussion paper, No.255, September.
11. Nguyễn Hồng Sơn (2009): *Cộng đồng Kinh tế ASEAN: Nội dung và lộ trình*, NXB. Khoa học Xã Hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Tuấn Anh (2011): *Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào các nước Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng giai đoạn từ 1990 đến nay*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 9.
13. Nguyễn Văn Hà (2011): *Các FTA song phương giữa các nước ASEAN với các đối tác bên ngoài và tác động của nó đối với việc xây dựng AEC*, Bài viết báo cáo tại Hội thảo Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, tháng 9.
14. Toh Mun Heng (2007): *Relationship Between the AJCEP and Japan's Bilateral EPAs with ASEAN Countries*, REPSF Project No. 05/002, p. 45.